



KPMG'S COPY

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số

4103004305

ngày 6 tháng 2 năm 2006

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp đã được điều chỉnh nhiều lần, lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0300545501 ngày 30 tháng 11 năm 2021. Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp và các điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Hội đồng Quản trị

Ông La Văn Út

Chủ tịch

Ông Trương Văn Minh

Ủy viên

Ông Bùi Hồng Dũng

Ủy viên

Ông Nguyễn Quang Cường

Ủy viên

Ông Lê Minh Ngọc

Ủy viên

Ông Nguyễn Chí Nam

Ủy viên

Bà Phạm Lý Trang Khanh

Ủy viên

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2024)

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Cường

Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Quang Chiến

Phó Tổng Giám đốc

Ông Bùi Hồng Dũng

Phó Tổng Giám đốc

Ông Đỗ Quang Minh

Phó Tổng Giám đốc

Bà Văn Thị Hồng Phượng

Phó Tổng Giám đốc

Bà Phạm Lý Trang Khanh

Phó Tổng Giám đốc

(đến ngày 30 tháng 6 năm 2024)

Ban Kiểm soát

Ông Nguyễn Thanh Tuyên

Trưởng Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Thu

Thành viên Ban Kiểm soát

Ông Phạm Văn Trung

Thành viên Ban Kiểm soát

Trụ sở đăng ký

236/106/1A Điện Biên Phủ
Phường 17, Quận Bình Thạnh
Thành phố Hồ Chí Minh
Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

0112
:ÔNG
+ NHIE
P
LIF

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được trình bày từ trang 5 đến trang 42 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty và các công ty con sẽ không thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 8 năm 2024



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi các Cổ đông
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco**

Chúng tôi đã soát xét báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 29 tháng 8 năm 2024, được trình bày từ trang 5 đến trang 42.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - *Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện*.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.



Kết luận của kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm đã không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo soát xét số: 24-02-00198-24-2



Trương Vĩnh Phúc
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 1901-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, 29-06-2024

Trương Tuyết Mai
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
Kiểm toán số 2594-2024-007-1



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 01a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 130 + 140 + 150)	100		965.073.521.443	942.109.030.886
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	9	788.940.494.225	740.620.646.441
Tiền	111		93.940.494.225	60.620.646.441
Các khoản tương đương tiền	112		695.000.000.000	680.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		85.027.667.156	108.595.669.744
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	10	50.787.056.608	82.427.793.431
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	11	8.889.176.702	2.306.312.496
Phải thu ngắn hạn khác	136	12	25.468.108.576	23.978.238.547
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(116.674.730)	(116.674.730)
Hàng tồn kho	140	13	90.008.245.607	91.849.416.173
Hàng tồn kho	141		90.008.245.607	91.849.416.173
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.097.114.455	1.043.298.528
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		1.097.114.455	1.043.298.528
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 250 + 260)	200		634.405.098.070	701.741.424.393
Các khoản phải thu dài hạn	210		265.500.000	233.500.000
Phải thu dài hạn khác	216		265.500.000	233.500.000
Tài sản cố định	220		612.698.601.982	679.430.882.234
Tài sản cố định hữu hình	221	14	590.884.168.963	657.309.946.969
<i>Nguyên giá</i>	222		4.271.320.940.948	4.271.445.668.220
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(3.680.436.771.985)	(3.614.135.721.251)
Tài sản cố định vô hình	227	15	21.814.433.019	22.120.935.265
<i>Nguyên giá</i>	228		28.250.980.211	28.250.980.211
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(6.436.547.192)	(6.130.044.946)
Đầu tư tài chính dài hạn	250	16	10.676.245.111	11.471.302.699
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		64.500.000.000	64.500.000.000
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(53.823.754.889)	(53.028.697.301)
Tài sản dài hạn khác	260		10.764.750.977	10.605.739.460
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		10.764.750.977	10.605.739.460
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		1.599.478.619.513	1.643.850.455.279

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)


Mẫu B 01a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		483.041.420.046	499.584.128.203
Nợ ngắn hạn	310		300.283.264.065	282.640.978.015
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	34.556.634.183	40.762.086.626
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		119.804.104	114.851.656
Thuế phải nộp Nhà nước	313	18	13.343.071.333	16.534.078.185
Phải trả người lao động	314		43.658.855.052	48.160.786.284
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	9.447.803.306	4.067.194.882
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	34.745.101.057	33.109.151.749
Vay ngắn hạn	320	21(a)	63.506.341.206	77.592.068.938
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	22	70.194.802.123	41.483.120.307
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	30.710.851.701	20.817.639.388
Nợ dài hạn	330		182.758.155.981	216.943.150.188
Vay dài hạn	338	21(b)	182.758.155.981	216.943.150.188
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		1.116.437.199.467	1.144.266.327.076
Vốn chủ sở hữu	410	24	1.116.437.199.467	1.144.266.327.076
Vốn cổ phần	411	25	798.666.660.000	798.666.660.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		798.666.660.000	798.666.660.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		123.257.066	123.257.066
Quỹ đầu tư phát triển	418		213.491.855.223	213.491.855.223
Lợi nhuận sau thuế (“LNST”) chưa phân phối	421		104.155.427.178	131.984.554.787
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		47.091.809.674	56.385.341.924
- LNST chưa phân phối kỳ này/ năm nay	421b		57.063.617.504	75.599.212.863
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		1.599.478.619.513	1.643.850.455.279

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:


Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng


Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này


Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024

Mẫu B 02a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)


	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	8	527.375.521.068	536.018.106.131
Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ	11		400.871.043.026	465.780.911.627
Lợi nhuận gộp (20 = 01 - 11)	20		126.504.478.042	70.237.194.504
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	9.752.545.685	17.310.787.926
Chi phí tài chính	22	29	13.903.358.753	19.488.923.511
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		8.843.955.867	13.242.219.990
Chi phí bán hàng	25		-	468.993.906
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	49.418.918.431	41.418.431.194
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		72.934.746.543	26.171.633.819
Thu nhập khác	31		289.975.812	941.237.199
Chi phí khác	32		276.359.850	573.838.092
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		13.615.962	367.399.107
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		72.948.362.505	26.539.032.926
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	16.043.756.518	7.899.946.515
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	32	(159.011.517)	(1.194.113.848)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		57.063.617.504	19.833.200.259
Phân bổ cho:				
Cổ đông của công ty mẹ	61		57.063.617.504	19.833.200.259
Lãi trên cổ phiếu				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	583	185


Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:


 Phan Nhân Tri
 Kế toán tổng hợp

Người duyệt:


 Nguyễn Trọng Nghĩa
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quang Cường
 Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

11/8/2024

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận kế toán trước thuế	01		72.948.362.505	26.539.032.926
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		66.732.280.252	131.800.000.197
Các khoản dự phòng	03		45.573.285.359	56.268.754.878
Lãi/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		3.149.456.553	(18.311.061)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05		(9.312.049.087)	(16.646.357.126)
Chi phí lãi vay	06		8.843.955.867	13.242.219.990
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		187.935.291.449	211.185.339.804
Biến động các khoản phải thu	09		25.022.829.349	25.668.703.906
Biến động hàng tồn kho	10		1.841.170.566	9.318.291.151
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(20.050.393.138)	(32.094.769.109)
Biến động chi phí trả trước	12		(53.815.927)	55.018.084
			194.695.082.299	214.132.583.836
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.195.100.101)	(13.488.826.264)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.706.712.947)	(5.889.236.604)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(11.106.200.000)	(4.133.505.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		155.687.069.251	190.621.015.968
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		-	(1.930.900.000)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		-	199.727.273
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		7.845.843.608	16.446.629.853
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		7.845.843.608	14.715.457.126

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
			30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
Tiền trả nợ gốc vay	34		(51.521.043.752)	(44.390.252.763)
Tiền trả cổ tức	36		(63.783.526.200)	(63.709.240.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(115.304.569.952)	(108.099.493.563)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		48.228.342.907	97.236.979.531
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		740.620.646.441	530.996.020.412
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		91.504.877	374.782
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	9	788.940.494.225	628.233.374.725

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng

Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2023

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco (“Công ty”) được chuyển đổi từ doanh nghiệp Nhà nước – Công ty Vận tải Xăng dầu Vitaco theo Quyết định số 2585/QĐ-BTM ngày 27 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Thương mại (nay là Bộ Công thương). Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 bao gồm Công ty và các công ty con.

(b) Hoạt động chính

Hoạt động chính của Công ty và các công ty con là kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

(d) Cấu trúc Công ty

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty có 2 công ty con (1/1/2024: 2 công ty con), chi tiết như sau:

Tên	Hoạt động chính	Tỷ lệ sở hữu	
		30/6/2024	1/1/2024
Công ty TNHH MTV Vitaco Sài Gòn	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%
Công ty TNHH MTV Vitaco Đà Nẵng	Kinh doanh vận tải xăng dầu đường biển và dịch vụ hàng hải	100%	100%

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty và các công ty con có 545 nhân viên (1/1/2024: 545 nhân viên).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 30 tháng 6.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và đơn vị tiền tệ trình bày báo cáo

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty và các công ty con là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty và các công ty con áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này.

Những chính sách kế toán được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Công ty. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Công ty và các công ty con và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND lần lượt theo tỷ giá mua chuyển khoản và tỷ giá bán chuyển khoản của ngân hàng thương mại nơi Công ty và/hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty và các công ty con có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Công ty và các công ty con áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo dưỡng thường xuyên được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	37 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 5 năm
▪ phương tiện vận chuyển	5 – 15 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 7 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn sử dụng đất trong vòng 43 năm. Quyền sử dụng đất vô thời hạn không được khấu hao.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(i) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng hoặc triển khai tài sản cố định hữu hình và tài sản cố định vô hình chưa hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Công ty và các công ty con không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Dự phòng

Trừ những khoản dự phòng được đề cập ở các chính sách kế toán khác, một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

Dự phòng chi phí sửa chữa lớn

Theo hướng dẫn của Thông tư số 200/2014/TT-BTC, Công ty và các công ty con thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định là các tàu vận tải đường biển dựa trên chu kỳ sửa chữa lên đà là 2 – 2,5 năm/lần. Số dự phòng chi phí sửa chữa lớn được xác định theo dự toán chi phí sửa chữa lớn theo kế hoạch đã được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt đối với các tàu phải thực hiện sửa chữa lớn trong chu kỳ tiếp theo.

(l) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo giá phát hành trừ đi chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(m) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(n) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ phần trăm hoàn thành của giao dịch. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(iv) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(o) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê, trong suốt thời hạn thuê.

(p) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(q) Lãi trên cổ phiếu

Công ty trình bày lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty (sau khi đã trừ đi khoản ước tính phân bổ vào quỹ khen thưởng phúc lợi cho kỳ kế toán báo cáo) chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Lãi suy giảm trên cổ phiếu được xác định bằng cách điều chỉnh lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân đang lưu hành có tính đến các ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông tiềm năng, bao gồm trái phiếu có thể chuyển đổi và quyền mua cổ phiếu. Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và cho kỳ sáu tháng kết thúc cùng ngày, Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng và do đó không trình bày lãi suy giảm trên cổ phiếu.

(r) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Công ty và các công ty con tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Công ty và các công ty con là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(s) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Công ty và các công ty con nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Công ty và các công ty con và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

Các công ty liên quan đề cập tới công ty mẹ - Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex, công ty mẹ cấp cao nhất – Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(t) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của kỳ trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của kỳ hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong kỳ trước.

4. Tính thời vụ của các hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con không có hoạt động kinh doanh nào có tính thời vụ có thể ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

5. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với các ước tính kế toán này. Cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024, không có sự thay đổi trọng yếu nào về các ước tính kế toán so với các ước tính đã được thực hiện trong báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

6. Các khoản mục bất thường

Công ty và các công ty con không có khoản mục bất thường nào phát sinh trong kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024.

7. Các thay đổi trong cơ cấu đơn vị

Công ty và các công ty con không có thay đổi đáng kể nào trong cơ cấu trong kỳ báo cáo giữa niên độ này.

8. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Công ty và các công ty con gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

- Bộ phận kinh doanh vận tải: Vận tải xăng dầu
- Bộ phận kinh doanh thương mại: Mua bán xăng dầu (đến trước ngày 1/1/2024)
- Bộ phận khác: các hoạt động khác của Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	512.680.904.830	14.694.616.238	-	527.375.521.068
Doanh thu giữa các bộ phận	-	6.062.913.896	(6.062.913.896)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	512.680.904.830	20.757.530.134	(6.062.913.896)	527.375.521.068
Lợi nhuận gộp của bộ phận	119.052.676.201	7.451.801.841	-	126.504.478.042
Chi phí phân bổ	(46.002.287.933)	(3.416.630.498)	-	(49.418.918.431)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	73.050.388.268	4.035.171.343	-	77.085.559.611
Doanh thu tài chính				9.752.545.685
Chi phí tài chính				(13.903.358.753)
Thu nhập khác				289.975.812
Chi phí khác				(276.359.850)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(16.043.756.518)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				159.011.517
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN				57.063.617.504

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Loại trừ VND	Hợp nhất VND
Doanh thu bán hàng ra bên ngoài	510.766.928.322	8.275.605.830	16.975.571.979	-	536.018.106.131
Doanh thu giữa các bộ phận	-	4.451.755.336	4.156.040.697	(8.607.796.033)	-
Tổng doanh thu của bộ phận	510.766.928.322	12.727.361.166	21.131.612.676	(8.607.796.033)	536.018.106.131
Lợi nhuận gộp của bộ phận	61.655.288.231	615.317.962	7.966.588.311	-	70.237.194.504
Chi phí phân bổ	(37.867.683.377)	(495.883.661)	(3.523.858.062)	-	(41.887.425.100)
Kết quả kinh doanh của bộ phận	23.787.604.854	119.434.301	4.442.730.249	-	28.349.769.404
Doanh thu tài chính					17.310.787.926
Chi phí tài chính					(19.488.923.511)
Thu nhập khác					941.237.199
Chi phí khác					(573.838.092)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(7.899.946.515)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					1.194.113.848
Lợi nhuận thuần sau thuế TNDN					19.833.200.259

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024

	Vận tải VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	605.774.067.818	40.395.578.745	646.169.646.563
Tài sản không phân bổ			953.308.972.950
Tổng tài sản			1.599.478.619.513
Nợ phải trả của bộ phận	427.215.908.509	30.652.387.962	457.868.296.471
Các khoản nợ không phân bổ			25.173.123.575
Tổng nợ phải trả			483.041.420.046

Tại ngày 1 tháng 1 năm 2024

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
Tài sản của bộ phận	682.501.735.426	9.414.303.012	40.744.980.535	732.661.018.973
Tài sản không phân bổ				911.189.436.306
Tổng tài sản				1.643.850.455.279
Nợ phải trả của bộ phận	451.386.360.728	9.486.398.736	31.268.632.150	492.141.391.614
Các khoản nợ không phân bổ				7.442.736.589
Tổng nợ phải trả				499.584.128.203



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024

Khấu hao tài sản cố định hữu hình
Khấu hao tài sản cố định vô hình

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
	66.425.778.006	-	-	66.425.778.006
	306.502.246	-	-	306.502.246

Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023

Chi tiêu vốn
Khấu hao tài sản cố định hữu hình
Khấu hao tài sản cố định vô hình

	Vận tải VND	Thương mại VND	Các hoạt động khác VND	Hợp nhất VND
	1.930.900.000	-	-	1.930.900.000
	131.493.497.951	-	-	131.493.497.951
	306.502.246	-	-	306.502.246

(c) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Công ty và các công ty con hoạt động tại miền Nam và miền Trung Việt Nam. Hoạt động kinh doanh tại miền Trung là không trọng yếu đối với Công ty và các công ty con.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

9. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Tiền mặt	1.037.223.952	1.294.800.287
Tiền gửi ngân hàng	92.903.270.273	59.325.846.154
Các khoản tương đương tiền (*)	695.000.000.000	680.000.000.000
	<hr/>	<hr/>
	788.940.494.225	740.620.646.441
	<hr/>	<hr/>

(*) Các khoản tương đương tiền bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng và hưởng lãi suất trong khoảng từ 2,0% đến 3,5%/năm (1/1/2024: từ 2,0% đến 3,6%/năm).

10. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ cấp cao nhất</i>		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam	15.825.496.677	23.597.730.966
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	32.290.092.348	50.238.658.377
<i>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	1.308.882.623	785.718.449
Công ty Xăng dầu Khu vực II – TNHH MTV	-	249.761.063
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	367.187.434	446.812.888
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	-	47.686.320
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	31.986.965	-
	<hr/>	<hr/>
	49.823.646.047	75.366.368.063
Bên khác		
Công ty TNHH Động lực	-	3.358.592.900
Fratelli Cosulich Bunkers Ltd	-	2.348.828.284
Các khách hàng khác	963.410.561	1.354.004.184
	<hr/>	<hr/>
	963.410.561	7.061.425.368
	<hr/>	<hr/>
	50.787.056.608	82.427.793.431
	<hr/>	<hr/>

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và được hoàn trả khi có yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

11. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Công nghiệp Hàng hải Sài Gòn	6.669.180.035	-
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại & Sản xuất Giang Châu	-	1.073.688.130
Các nhà cung cấp khác	2.219.996.667	1.232.624.366
	8.889.176.702	2.306.312.496

12. Phải thu ngắn hạn khác

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Chi hệ các công ty liên quan	14.407.012.955	12.639.680.068
▪ Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex – công ty mẹ	9.039.730.799	8.178.539.226
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex	3.343.276.339	2.794.065.766
▪ Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng	1.463.541.028	1.548.044.407
▪ Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	495.122.439	-
▪ Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu VIPCO	65.342.350	119.030.669
Chi hệ các bên khác	6.051.259.945	7.624.619.604
Lãi tiền gửi	1.466.205.479	-
Tạm ứng cho người lao động	2.642.000.000	2.256.649.286
Các khoản phải thu khác	901.630.197	1.457.289.589
	25.468.108.576	23.978.238.547

Khoản phải thu từ các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không hưởng lãi và có thể thu được khi yêu cầu.

13. Hàng tồn kho

	Giá gốc	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Nguyên vật liệu	89.030.662.864	90.960.462.483
Công cụ và dụng cụ	977.582.743	888.953.690
	90.008.245.607	91.849.416.173

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

14. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	106.179.491.913	491.464.601 (72.545.454)	4.163.935.729.604	838.982.102 (52.181.818)	4.271.445.668.220 (124.727.272)
Xóa số	-	-	-	-	-
Số dư cuối kỳ	106.179.491.913	418.919.147	4.163.935.729.604	786.800.284	4.271.320.940.948
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	13.726.724.713	491.464.601	3.599.472.494.279	445.037.658	3.614.135.721.251
Khấu hao trong kỳ	1.448.594.292	-	64.909.650.380	67.533.334	66.425.778.006
Xóa số	-	(72.545.454)	-	(52.181.818)	(124.727.272)
Số dư cuối kỳ	15.175.319.005	418.919.147	3.664.382.144.659	460.389.174	3.680.436.771.985
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	92.452.767.200	-	564.463.235.325	393.944.444	657.309.946.969
Số dư cuối kỳ	91.004.172.908	-	499.553.584.945	326.411.110	590.884.168.963

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại là 437.539 triệu VND (1/1/2024: 486.602 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Công ty và các công ty con (Thuyết minh 21(b)).

Trong tài sản cố định hữu hình tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 có các tài sản có nguyên giá 2.774.255 triệu VND (1/1/2024: 2.774.378 triệu VND) đã khấu hao hết nhưng vẫn đang được sử dụng.



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

15. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND
Nguyên giá	
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	28.250.980.211
Giá trị hao mòn lũy kế	
Số dư đầu kỳ	6.130.044.946
Khấu hao trong kỳ	306.502.246
Số dư cuối kỳ	6.436.547.192
Giá trị còn lại	
Số dư đầu kỳ	22.120.935.265
Số dư cuối kỳ	21.814.433.019

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

16. Đầu tư tài chính dài hạn

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	30/6/2024				1/1/2024			
	Số lượng cổ phiếu	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND	Dự phòng VND	Giá trị hợp lý VND
▪ Công ty Cổ phần An Phú	625.000	0,51%	0,51%	53.500.000.000 (*)	(47.823.754.889)	53.500.000.000 (*)	(47.028.697.301)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Kho càng Xăng dầu Hàng không Miền Nam	600.000	2,02%	2,02%	6.000.000.000 (*)	(6.000.000.000)	6.000.000.000 (*)	(6.000.000.000)	(*)
▪ Công ty Cổ phần Dịch vụ Hàng hải Mỹ Giang	500.000	17,86%	17,86%	5.000.000.000 (*)	-	5.000.000.000	-	(*)
				<u>64.500.000.000</u>	<u>(53.823.754.889)</u>	<u>64.500.000.000</u>	<u>(53.028.697.301)</u>	

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

Biến động của dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	53.028.697.301	47.058.128.060
Dự phòng lập trong kỳ	795.057.588	6.000.000.000
Dự phòng hoàn lại trong kỳ	-	(29.430.759)
Số dư cuối kỳ	<u>53.823.754.889</u>	<u>53.028.697.301</u>

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Bên liên quan		
<i>Công ty mẹ</i>		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex	1.484.809.421	752.647.617
<i>Các công ty liên quan trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam</i>		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore	14.831.936.834	8.078.880.810
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ	1.993.148.740	2.054.341.405
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP	1.918.827.848	497.107.677
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long	1.601.895.013	2.487.114.311
Công ty Xăng dầu Nghệ An	1.221.030.865	1.725.814.800
Công ty Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu	1.121.547.920	9.492.820.308
Công ty Xăng dầu B12	911.927.192	37.292.288
Tổng kho Xăng dầu Nhà Bè	394.736.540	115.217.712
Công ty Xăng dầu Bình Định	113.585.252	-
Công ty Xăng dầu Khu vực 5	68.448.270	-
Công ty Xăng dầu Khu vực II – TNHH MTV	38.342.100	9.361.644.983
	25.700.235.995	34.602.881.911
Bên khác		
Đãng kiểm Mỹ ABS	-	843.017.500
Công ty TNHH Dịch vụ Thương mại và		
Sửa chữa Tàu biển Việt Điện	-	316.110.708
Các nhà cung cấp khác	8.856.398.188	5.000.076.507
	8.856.398.188	6.159.204.715
	34.556.634.183	40.762.086.626

Khoản phải trả cho các bên liên quan không có tài sản bảo đảm, không chịu lãi và phải hoàn trả khi được yêu cầu.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2024 VND	Số phải nộp trong kỳ VND	Số đã nộp trong kỳ VND	30/6/2024 VND
Thuế giá trị gia tăng (*)	3.147.905.703	18.679.245.284	(19.671.359.902)	2.155.791.085
Thuế nhập khẩu	-	1.121.663.257	(1.121.663.257)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	12.203.569.831	16.043.756.518	(18.706.712.947)	9.540.613.402
Thuế thu nhập cá nhân	1.123.467.691	3.574.374.844	(4.312.800.139)	385.042.396
Các loại thuế khác	59.134.960	1.589.052.870	(386.563.380)	1.261.624.450
	16.534.078.185	41.008.092.773	(44.199.099.625)	13.343.071.333

(*) Số thuế giá trị gia tăng phát sinh trong kỳ trình bày như trên thể hiện số liệu sau khi đã đối trừ với thuế giá trị gia tăng đầu vào được khấu trừ trong kỳ.

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Lương và phúc lợi cho nhân viên	5.276.317.000	-
Chi phí lãi vay	938.118.566	1.289.262.800
Chi phí bảo dưỡng và sửa chữa	1.599.508.085	776.487.725
Cảng phí	-	361.258.233
Các khoản khác	1.633.859.655	1.640.186.124
	9.447.803.306	4.067.194.882

20. Phải trả ngắn hạn khác

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Kinh phí công đoàn	2.477.287.441	1.860.368.027
Chi phí trả hộ về thuê thuyền viên cho Công ty TNHH MTV Thuyền viên VIPCO – công ty liên quan	1.634.281.668	2.227.683.762
Cổ tức phải trả	1.301.182.860	1.191.376.260
Phải trả về hoạt động nhập khẩu ủy thác	4.746.012.745	4.237.191.483
Chi hộ cảng phí	10.293.872.945	8.305.468.068
Chi phí khác	14.292.463.398	15.287.064.149
	34.745.101.057	33.109.151.749

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

21. Vay

(a) Vay ngắn hạn

	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ	Biến động trong kỳ	Chênh lệch quy đổi tỷ giá VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ
	1/1/2024 VND	Trả nợ vay VND		30/6/2024 VND
Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21(b))	77.592.068.938	Tăng VND 36.593.413.376	(51.521.043.752)	841.902.644
				63.506.341.206

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Lãi suất năm	Năm đáo hạn	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đô Thành	VND	7,3%	2026	69.866.023.500	85.391.806.500
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh	VND	7,2%	2032	98.510.000.000	104.650.000.000
Ngân hàng TMCP Quân đội	USD	6,0%	2027	45.970.804.687	61.673.390.626
Ngân hàng TMCP Thịnh vượng và Phát triển	USD	4,5%	2027	31.917.669.000	42.820.022.000
				246.264.497.187	294.535.219.126
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng				(63.506.341.206)	(77.592.068.938)
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng				182.758.155.981	216.943.150.188

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, các khoản vay từ ngân hàng được đảm bảo bằng tài sản cố định hữu hình của Công ty và các công ty con có giá trị còn lại là 437.539 triệu VND (1/1/2024: 486.602 triệu VND) (Thuyết minh 14).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc
ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng phải trả ngắn hạn

	30/6/2024 VND	1/1/2024 VND
Dự phòng sửa chữa lớn	70.194.802.123	41.483.120.307

Biến động của dự phòng sửa chữa lớn trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	41.483.120.307	33.472.650.000
Dự phòng lập trong kỳ	44.778.227.771	50.264.850.000
Dự phòng sử dụng trong kỳ	(16.066.545.955)	(21.179.434.959)
Số dư cuối kỳ	70.194.802.123	62.558.065.041

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ này được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo sự phê duyệt của các cổ đông tại cuộc họp cổ đông. Quỹ được sử dụng để chi trả các khoản khen thưởng và phúc lợi cho các nhân viên của Công ty và các công ty con theo chính sách khen thưởng và phúc lợi của Công ty và các công ty con.

Biến động của quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Số dư đầu kỳ	20.817.639.388	12.837.483.691
Trích lập trong kỳ	20.999.412.313	18.637.500.697
Sử dụng quỹ	(11.106.200.000)	(5.399.905.000)
Số dư cuối kỳ	30.710.851.701	26.075.079.388



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)*

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	138.916.175.421	1.151.197.947.710
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	19.833.200.259	19.833.200.259
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(18.637.500.697)	(18.637.500.697)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2023	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	76.218.542.183	1.088.500.314.472
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2024	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	131.984.554.787	1.144.266.327.076
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	57.063.617.504	57.063.617.504
Phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	(20.999.412.313)	(20.999.412.313)
Cổ tức (Thuyết minh 26)	-	-	-	(63.893.332.800)	(63.893.332.800)
Số dư tại ngày 30 tháng 6 năm 2024	798.666.660.000	123.257.066	213.491.855.223	104.155.427.178	1.116.437.199.467

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành được trình bày theo mệnh giá của Công ty là:

	30/6/2024 và 1/1/2024	
	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	79.866.666	798.666.660.000
Vốn cổ phần đã phát hành		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000
Số cổ phiếu đang lưu hành		
Cổ phiếu phổ thông	79.866.666	798.666.660.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

26. Cổ tức

Đại hội đồng Cổ đông của Công ty vào ngày 16 tháng 4 năm 2024 đã quyết định chia cổ tức năm 2023 với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 8% vốn cổ phần cho năm 2023 (kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023: chia cổ tức với số tiền là 63.893 triệu VND, tương đương 8% vốn cổ phần).

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

27. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Cam kết thuê

Các khoản tiền thuê tối thiểu phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	30/6/2024	1/1/2024
	VND	VND
Trong vòng một năm	138.876.000	154.320.000
Trong vòng hai đến năm năm	126.000.000	186.000.000
	264.876.000	340.320.000
	264.876.000	340.320.000

(b) Ngoại tệ

	30/6/2024		1/1/2024	
	Nguyên tệ	Tương đương VND	Nguyên tệ	Tương đương VND
USD	261.744	6.609.824.010	278.848	6.707.781.755
	261.744 6.609.824.010		278.848 6.707.781.755	
	261.744 6.609.824.010		278.848 6.707.781.755	

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lãi tiền gửi	8.312.049.087	16.446.629.853
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	440.496.598	864.158.073
Cổ tức được chia	1.000.000.000	-
	9.752.545.685	17.310.787.926
	9.752.545.685	17.310.787.926

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

29. Chi phí tài chính

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí lãi vay	8.843.955.867	13.242.219.990
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	4.262.791.096	275.323.707
Dự phòng giảm giá đầu tư vào công ty khác	795.057.588	5.970.569.241
Chi phí tài chính khác	1.554.202	810.573
	13.903.358.753	19.488.923.511

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	27.444.451.842	21.904.576.623
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.349.938.254	4.791.257.356
Chi phí khấu hao	2.643.216.154	2.441.592.543
Chi phí vật liệu quản lý	1.549.216.507	380.150.804
Chi phí đồ dùng văn phòng	162.239.206	200.977.340
Chi phí khác	13.269.856.468	11.699.876.528
	49.418.918.431	41.418.431.194

31. Chi phí sản xuất và kinh doanh theo yếu tố

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí nguyên vật liệu	140.467.037.222	135.142.628.922
Chi phí nhân viên	102.966.066.554	82.361.702.321
Chi phí khấu hao	66.732.280.252	131.800.000.197
Chi phí dịch vụ mua ngoài	61.037.272.379	68.947.272.720
Chi phí khác	79.087.305.050	81.397.691.589



Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

32. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	15.667.831.501	7.886.636.582
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	375.925.017	13.309.933
	16.043.756.518	7.899.946.515
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(159.011.517)	(1.194.113.848)
Chi phí thuế thu nhập	15.884.745.001	6.705.832.667

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	72.948.362.505	26.539.032.926
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	14.589.672.501	5.307.806.585
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.280.712.230	1.379.164.277
Dự phòng thiếu trong những kỳ trước	375.925.017	13.309.933
Chênh lệch tạm thời không được ghi nhận	(161.564.747)	5.551.872
Ảnh hưởng của thu nhập không chịu thuế	(200.000.000)	-
	15.884.745.001	6.705.832.667

(c) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024 và ngày 1 tháng 1 năm 2024, tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn.

(d) Thuế suất áp dụng

Theo các quy định của Luật thuế thu nhập hiện hành, Công ty và các công ty con có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập bằng 20% trên lợi nhuận tính thuế.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

33. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông sau khi trừ đi số phân bổ vào quỹ khen thưởng và phúc lợi ước tính cho kỳ kế toán báo cáo và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ, chi tiết như sau:

	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	
	30/6/2024	30/6/2023
Lợi nhuận thuần hợp nhất trong kỳ (VND)	57.063.617.504	19.833.200.259
Số phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi ước tính (VND) (*)	(10.499.706.157)	(5.039.552.265)
	<hr/>	<hr/>
Lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông (VND)	46.563.911.347	14.793.647.994
	<hr/>	<hr/>
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông lưu hành trong kỳ (số cổ phiếu)	79.866.666	79.866.666
	<hr/>	<hr/>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	583	185
	<hr/>	<hr/>

(*) Tại ngày 30 tháng 6 năm 2024, Công ty ước tính số lợi nhuận cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi dựa trên cơ sở số lợi nhuận đã được sử dụng để trích cho năm liền kề.

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trong kỳ, Công ty và các công ty con có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30/6/2024 VND	30/6/2023 VND
Công ty mẹ cấp cao nhất		
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Cung cấp dịch vụ	312.379.841.333	315.995.207.568
Công ty mẹ		
Tổng Công ty Vận tải thủy Petrolimex		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	204.631.266.918	206.756.481.676
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	2.112.450.432	16.000.000
Chia cổ tức	33.172.173.600	33.172.173.600
Các công ty liên quan khác trong Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam		
Công ty TNHH MTV Petrolimex Singapore		
Cung cấp dịch vụ	221.808.719	-
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	37.065.014.707	27.147.760.100
Công ty Xăng dầu Nghệ An		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	18.419.414.977	12.121.236.677
Công ty Xăng dầu B12		
Bán hàng	-	4.964.400
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	18.103.126.010	7.667.165.030
Công ty Bảo hiểm PJICO Sài Gòn		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	14.385.126.057	13.445.487.334
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Tây Nam Bộ		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	14.168.209.259	19.211.936.245
Công ty TNHH MTV Xăng dầu Bà Rịa Vũng Tàu		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	11.949.112.513	36.337.321.631
Tổng Công ty Hóa dầu Petrolimex – CTCP		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	10.318.384.557	8.786.056.360

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

	Giá trị giao dịch	
	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	Kỳ sáu tháng kết thúc ngày
	30/6/2024	30/6/2023
	VND	VND
Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Đường thủy Petrolimex		
Cung cấp dịch vụ	5.104.151.249	4.621.765.514
Công ty TNHH MTV VIPCO Hạ Long		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	2.163.297.519	1.638.650.537
Công ty Bảo hiểm PJICO Hải Phòng		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	957.193.726	881.087.069
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Petrolimex Hải Phòng		
Cung cấp dịch vụ	894.379.999	933.067.635
Công ty Xăng dầu Bình Định		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	522.834.140	349.472.170
Công ty Xăng dầu Khu vực 5		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	382.252.580	568.619.880
Công ty Bảo hiểm PJICO Đà Nẵng		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	34.670.906	49.220.538
Công ty Xăng dầu Phú Khánh		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	63.367.440	62.227.750
Công ty TNHH MTV Đóng tàu và Thương mại Petrolimex		
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	37.752.000	2.049.472.806
Công ty Cổ phần Vận tải Hóa dầu VP		
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	-	2.108.590.518
Công ty Xăng dầu Khu vực II – TNHH MTV		
Cung cấp dịch vụ	-	1.051.492.611
Mua nguyên vật liệu và dịch vụ	763.019.394	80.987.621.394

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày
30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

		Giá trị giao dịch	
		Kỳ sáu tháng kết thúc ngày	30/6/2023
		30/6/2024	30/6/2023
		VND	VND
Thành viên Ban Giám đốc			
<i>Tiền lương và thưởng</i>			
Ông Nguyễn Quang Cường	Tổng Giám đốc	308.800.000	307.800.000
Ông Nguyễn Quang Chiến	Phó Tổng Giám đốc	248.800.000	247.800.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Phó Tổng Giám đốc	248.800.000	247.800.000
Ông Đỗ Quang Minh	Phó Tổng Giám đốc	248.800.000	247.800.000
Bà Văn Thị Hồng Phượng	Phó Tổng Giám đốc	248.800.000	247.800.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc	248.800.000	247.800.000
<i>(đến ngày 30 tháng 6 năm 2024)</i>			
Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát			
<i>Tiền lương, thưởng và thù lao</i>			
Ông La Văn Út	Chủ tịch	368.800.000	367.800.000
Ông Trương Văn Minh	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Bùi Hồng Dũng	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Quang Cường	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Lê Minh Ngọc	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Ông Nguyễn Chí Nam	Ủy viên	48.000.000	48.000.000
Bà Phạm Lý Trang Khanh	Phó Tổng Giám đốc	48.000.000	48.000.000
<i>(đến ngày 30 tháng 6 năm 2024)</i>			
Ông Nguyễn Thanh Tuyên	Trưởng Ban Kiểm soát	206.800.000	73.800.000
Bà Nguyễn Thị Thu	Thành viên Ban Kiểm soát	33.600.000	12.600.000
Ông Phạm Văn Trung	Thành viên Ban Kiểm soát	33.600.000	33.600.000

Công ty Cổ phần Vận tải Xăng dầu Vitaco
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2024 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính)

35. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và các thuyết minh liên quan tại ngày 1 tháng 1 năm 2024 được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023. Số liệu so sánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất và các thuyết minh liên quan được mang sang từ số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ sáu tháng kết thúc ngày 30 tháng 6 năm 2023.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024

Người lập:

Phan Nhân Tri
Kế toán tổng hợp

Người duyệt:

Nguyễn Trọng Nghĩa
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Cường
Tổng Giám đốc



